

Bài 1.

GIÁO LÝ DỰ BỊ HÔN NHÂN

Trước hết, cần phân biệt hai tổ chức trên:

a. “*Giáo lý Hôn nhân*”: Là phần học hỏi giúp tìm hiểu ý Chúa về hôn nhân đã được mạc khải trong Kinh Thánh, trong luật tự nhiên và Giáo Hội dạy.

b. “*Dự bị hôn nhân*”: Là phần giúp bạn trẻ chuẩn bị bước vào đời sống gia đình cho chu đáo, và thành quả trước thánh ý Chúa. Như vậy, “*Giáo lý hôn nhân*” có thể là một phần của dự bị hôn nhân - nếu là tổ chức “cho” và “do” người Ki-tô giáo, cách đầy đủ, đúng đắn.

Tổ chức “*dự bị hôn nhân*” phức tạp hơn “*Giáo lý hôn nhân*”, vì gồm nhiều mặt: như luật pháp, gia chánh, y khoa, nghệ thuật ...

c. Bổ túc “*Giáo lý hôn nhân*” và “*dự bị hôn nhân*”. Rất nhiều khi vì nhu cầu mục vụ (như quá kém về “Đạo” và “văn hoá”), nên nhân dịp dạy Giáo lý hôn nhân chính thức, còn phải dạy thêm về Giáo lý chung, cũng như những đòi hỏi khác về đời sống gia đình (thường được dạy trong lớp “*dự bị hôn nhân*”). Tuy nhiên, đừng vì thế mà người có trách nhiệm đòi hỏi bạn trẻ quá đáng những điều không cần và không quan trọng.

**Bài 2. MỤC ĐÍCH HÔN NHÂN,
NGƯỜI BẠN ĐỜI - HẠNH PHÚC TÌNH
YÊU.**

Dựa vào hai đoạn Kinh Thánh St 1, 27 và St 2, 18 chúng ta có thể rút ra các hệ luận sau đây:

1. Mục đích của hôn nhân thứ nhất là để con người có người bạn đời:

“Người bạn đời” để con người nên tốt, vì “ở một mình không tốt”, tại sao thế?

Vì Chúa dựng nên loài người theo hình ảnh, hoạ ảnh của Ngài là “Nam và Nữ”. Loài người có nam, có nữ mới là hình ảnh Chúa, mà nguyên đặc tính nam hoặc đặc tính nữ, không đủ để hiểu là đúng hình ảnh Chúa.

Ngược lại, về phía con người, “nam” giữ một phần nào, “nữ” một phần nào hình ảnh Thiên Chúa. Nếu muốn hoàn hảo, phải có cả hai (Thế mà thế giới đang xuống dốc hôm nay,

- Sự phạm Giáo lý Hôn nhân -

đang đòi phải công nhận pháp lý hôn nhân đồng phái tính!)

Ngày nay, các nhà tâm sinh lý nói đến quy luật bổ túc, hoặc định luật quân bình trong đời sống tâm sinh lý, cả về đời sống cá nhân, lẫn đời sống xã hội...

Nam, Nữ phải bình quyền, nhưng không đồng hoá, mà phải giữ luật phát triển giới tính của mình, để góp phần “tốt” cho loài người. Và từ đó, cần có sự hoà hợp tinh thần để bảo đảm hoà hợp thể xác và ngược lại; chứ không chấp nhận lẫn át,...

Phải nói thêm, cuộc “giải phóng phụ nữ” phải là một cuộc bước tiến đúng hướng, chứ không mang kiểu “tôn thờ” như đồ chơi, như búp bê...

2. Sự trợ giúp Chúa ban cho con người đơn độc là “Eva”, một trợ giúp tình yêu.

Trợ giúp của Thiên Chúa ban cho Adam là an ủi, là tình yêu (chứ không mang ý nghĩa con người thường hiểu là: tăng cường sức mạnh để chống trả?).

3. Tình yêu của Thiên Chúa được thể hiện đặc biệt trong hôn nhân.

Hôn nhân là “chứng cứ” luôn sống động và mới mẻ cho “Thiên -Chúa-tình-yêu”: Mọi cái có thể cũ, nhưng tình yêu hôn nhân không cũ, mặc dù nó đã có từ khởi nguyên loài người; không

- Sự phạm Giáo lý Hôn nhân -

“quen” mặc dù hôn nhân xảy ra hằng ngày, hằng giờ; không “chết” vì luôn làm phát sinh bao công việc, bao thành quả.

Và nhất là vì: “Thiên Chúa là tình yêu” (1Ga 4, 10).

BÀI 3 : MỤC ĐÍCH HÔN NHÂN: TRUYỀN SINH VÀ PHÁT TRIỂN

1. Mục đích thứ hai của hôn nhân: TRUYỀN SINH.

Ở bài 2, ta đã nói mục đích thứ nhất của hôn nhân, bao gồm những tương quan rộng rãi (tình cảm, lý trí, hành động) giữa nam và nữ.

Mục đích thứ hai nói đến đây, có vẻ thu hẹp vào vấn đề dục tính, với khẳng định rõ ràng: Mục đích dục tính là con cái. Điều này mở ra một nhãn quan rộng rãi hơn cả nhân loại với các hành động của nhân loại.

Dựa vào lời Chúa (mặc khải) nói với Adam-Eva tiên khởi, Giáo hội - trong thông điệp “Sự sống con người” đã kiên quyết chọn một lập trường vì nhân phẩm của con người trước Thiên Chúa: Không chấp nhận mọi tách rời vấn đề sinh sản với dục tính, bằng cách cản trở thụ thai tự nhiên, trong lúc Giáo hội không quên nhắc đến ơn Chúa trợ giúp và tự nhiên của

- Sư phạm Giáo lý Hôn nhân -

những công việc lành mạnh hoá môi trường xã hội.

2. Truyền sinh để thi hành sứ mạng quản trị muôn vật Chúa đã dựng nên.

Sau mệnh lệnh: “Hãy sinh sản”, Chúa trao cho con người thống trị trái đất, muôn vật với những khả năng Chúa ban cho ngay trong bản chất “giống Chúa”. Sứ mạng: “phát triển - bảo vệ môi sinh”.

3. Sinh thành - dưỡng dục.

Bổn phận “sinh” và “dưỡng dục” luôn đi kèm theo nhau, mới có thể “nên người”, mới thi hành được sứ mạng thống trị. Dưỡng dục gồm hai mặt:

- Giáo dục để “làm người”, do gia đình và xã hội sau đó.

- Giáo dục để “thống trị” vạn vật: biết cách quản lý trái đất, phát triển xã hội. Nhưng luôn luôn phải tuân “theo ý Chúa”: Không được phá hoại môi sinh dưới bất cứ hình thức nào. Nếu không, thiên nhiên sẽ phản lại con người. Con người phải làm hoà với thiên nhiên (Thông điệp Hoà Bình - 1990).

**BÀI 4 : BỔ TÚC VỀ GIÁO LÝ
MỘT CÁI NHÌN TỔNG QUÁT VÀ
SỐNG ĐỘNG VỀ
ĐỜI SỐNG NGƯỜI KI-TÔ HỮU.**

1. *Bổ túc về Giáo lý:*

Vì thiếu sót thường xuyên về Giáo lý của đa số các tín hữu, nên nhân dịp Hôn phối, thường là một dịp để học Giáo lý chung. Trong thời gian này, đôi bạn cần học bổ túc những gì? Phải chăng là:

- *Các kinh sáng - tối?*
- *Các phần cuối sách Giáo lý Công giáo?*

Nếu cố nhét vào đầu những điều cần phải thuộc... (mà nếu không, thì ...) với tâm trạng bị “bắt buộc” như thế, thì đời sống Ki-tô hữu mai sau đó sẽ ra sao? Họ chỉ sống theo một cơ cấu công giáo. Lợi bất cập hại, với đà phát triển xã hội hôm nay, đòi hỏi phải đặt lại vấn đề “Giáo lý tiền hôn nhân”, cũng như “Giáo lý nói chung”.

- Sự phạm Giáo lý Hôn nhân -

2. Một cái nhìn tổng quát và sống động về đời sống người Ki-tô hữu.

a. Đa số giáo dân chỉ học Giáo lý lúc chuẩn bị lãnh nhận các Bí tích Khai tâm (như: Xưng tội rước lễ lần đầu; Thêm sức), mà đa số là học theo kiểu “nhồi sọ”, “bó buộc” hoặc là cấp thời vì hoàn cảnh.

b. Như vậy, ta cần phải tránh lối học “nhồi sọ”, “bó buộc” lần thứ hai cho các đối tượng thanh niên, tuổi lập gia đình, mà chính đây là thời điểm cần phải cho họ nghĩ xa về tương lai, thấy được ý nghĩa đời người và cuộc sống; nghĩa là cho họ được nghe rao giảng Tin mừng của Đức Giêsu.

c. Khác khác, khi dạy Giáo lý, ta coi nhẹ hôn sống đạo mà chỉ nói về nếp sống đạo (mà đa số thể hiện bằng “Giáo lý hỏi-thưa” như sách bổn thường dùng).

Vậy, phải giải quyết cách nào?

**BÀI 5 : GIÁO LÝ HÔN NHÂN
TIM MỪNG KI-TÔ GIÁO CỐT YẾU VÀ
TOÀN DIỆN**

Các nhà canh tân Giáo lý (Đức), sau này gọi là “Phong trào Rao Giảng” khẳng định rằng: “Đa số người tín hữu đạo dòng (gốc) không bao giờ được nghe Rao Giảng Tin mừng Ki-tô

- Sự phạm Giáo lý Hôn nhân -

giáo". Vì thế, đức tin của họ yếu kém, lắm khi lệch lạc và thiếu năng động (!). Trước khi nói "Tin mừng Ki-tô giáo" cần phải nhấn mạnh được hai tính cách "Cốt yếu và toàn diện".

1. Cốt yếu và toàn diện: Đây là hai tính cách căn bản của "bổ túc Giáo lý" cho đôi bạn tương lai.

a. Thường mắc khuyết điểm là chỉ chú ý đến cái phụ, cái lộ ra bên ngoài... hơn là nhấn mạnh đến cái nguyên nhân, động lực thúc đẩy bên trong (mà cái biểu lộ ra bên ngoài thường là đa dạng, phức tạp, khó hiểu - như khi nói về các Bí tích).

b. Dạy đạo, thường người ta chỉ dạy cách sống đạo, chứ không dạy phần cốt yếu tạo nên tâm hồn đạo, chính là Tin mừng mà Đức Giêsu truyền cho các môn đệ phải "đi rao giảng cho muôn dân".

2. Tin mừng Ki-tô giáo.

- Mc 15,15: "Hãy đi khắp cả thiên hạ rao giảng Tin mừng cho mọi loài thọ tạo"

- Cv 1,8: "Các ngươi sẽ là chứng tá của Ta ở Giêrusalem, trong toàn cõi Giuđêa và cho đến hết cùng cõi đất".

- Và các môn đệ đã vâng lời Chúa, rao giảng Tin mừng làm chứng cho Chúa Ki-tô Cv 2, 22 - 40. Tin mừng mà các ngài rao giảng là

- Sự phạm Giáo lý Hôn nhân -

*chính Chúa Ki-tô và các ngài là nhân chứng
1Ga 1, 1.*

*Dạy Đạo ngày nay có như thế không? Có
hướng về Chúa Ki-tô không? Giáo lý có sức
sống và tươi nở của Tin mừng không? (Cv 2, 42
- 47).*

- *Người Dự tòng, sau khi học xong Giáo lý,
tâm hồn họ có được vui mừng vì được “giải
phóng” và một cuộc sống mới sắp xảy đến cho
họ? Rm 6,4.*

- *Người đạo gốc học Giáo lý (dịp Hôn nhân,
Thêm sức ...) có được một khám phá mới cởi mở
với Thiên Chúa Ba Ngôi không?*

BÀI 6 : ĐỜI SỐNG BÍ TÍCH

*1. Việc “Rao giảng Tin mừng” (ở bài 5) là ôn
lại nền tảng Đức tin Công giáo, nhằm tới việc
nghe biết: “Tin bởi được nghe” (fides ex audito)
(Rm 10,14). Còn đời sống Bí tích, thì nhằm tới
phương diện khác của Tin mừng. Đó là sức tái
tạo, sức sống của Tin mừng (đem đến cho con
người).*

*Rao giảng Tin mừng là chứng nhân cho Đức
Ki-tô, Đấng đã sống trên trần gian như bao
người; nhưng còn là Đấng đang sống, đang tiếp
tục hoạt động như xưa (dưới hình thức khác),
qua các Bí tích được Giáo Hội cử hành. Mt 28,*

- Sự phạm Giáo lý Hôn nhân -

20; Mc 16, 20; Ga 20, 22; Ga 15, 26 - 27. Đó là cách Giáo lý viên phải nắm để trình bày về phần Giáo lý ơn Chúa và Bí tích.

2. Một việc cần lưu ý ở đây (cũng như ở phần rao giảng Tin mừng): Là người ta hay dừng lại ở cách sống đạo bề ngoài, mà quên sức sống bên trong, tức là dừng lại ở nơi những dấu hiệu bên ngoài mà Bí tích, hoặc quy luật để cử hành. Điều ấy tạo nên một não trạng “sự vật hoá” Bí tích. Cho dầu dấu hiệu bề ngoài vẫn là điều cần như xác cần cho hồn, song nếu không có “hồn” thì nó chỉ là “thây ma”.

3. Sức mạnh của Tin mừng Rm 1, 16: “Tin mừng là sức mạnh của Thiên Chúa để cứu độ bất cứ ai có lòng tin ...”. Isaia miêu tả lời Chúa như là một sức mạnh thành đạt: “Lời Ta cũng vậy, một khi xuất phát từ miệng Ta sẽ không trở về với Ta nếu chưa đạt kết quả” (Is 55, 11).

Lời của Đức Ki-tô làm cho ma quỷ phải nghe, bệnh tật phải lành, sóng gió phải im ...

Chúa Ki-tô rao giảng Tin mừng bằng các dấu lạ, trở thành “điềm thời gian” (Mt 16, 3b), con người có bốn phận phải nhận ra ý nghĩa ...

Như vậy, Tin mừng không phải chỉ là lời nói suông (một lý thuyết, chủ nghĩa ...), nhưng chính là việc Thiên Chúa làm để cứu vớt con người khỏi đau khổ, khỏi chết, mà được sống hạnh phúc muôn đời.

**BÀI 7 : ĐỜI SỐNG KI-TÔ GIÁO
SỐNG THEO TIN MỪNG VÀ HỢP TÁC
VỚI CHÚA**

Tin mừng không chỉ là một “kiến thức mới” về Thiên Chúa được thông báo cho con người biết, cũng không chỉ là một hành động riêng của Thiên Chúa làm cho con người.

Nhưng Tin mừng yêu cầu con người thay đổi đời sống, để được một nếp sống mới, cộng tác với hành động của Thiên Chúa: “Hãy theo Ta”. Các môn đệ đã đáp lại, và được nhận lãnh Thánh Thần để hiểu lời Chúa Ga 14, 26; 16, 23; Cv 2, 4 . 17, sức mạnh làm chứng cho Chúa Ga 14, 26; Cv 1, 8. Chúa còn thiết lập các Bí tích để ban ơn cần kíp cho con người.

Về đời sống Ki-tô giáo, hay luân lý Ki-tô giáo, cần chú ý 3 điểm chính yếu sau đây:

1. Thiên Chúa ban ơn: Như lời Chúa quả quyết: “Không có Ta, các con không thể làm được sự gì” (Ga 15, 15). Cũng như qua ví dụ: Cây nho và cành nho!, trong “tạo dựng” cũng như “cứu chuộc”.

- Sự phạm Giáo lý Hôn nhân -

Vì thế, cầu nguyện, lãnh nhận các Bí tích là “thành phần” không thể thiếu trong đời sống Ki-tô giáo.

2. Con người đáp lại, cộng tác:

Chúa ban cho con người có tự do, khi tạo dựng nó. Cho nên con người phải biết sống tự do. Đó là ý Chúa. Sống tự do thật sự là phải biết quyết định, phải biết. Ở Chúa giúp con người để nó biết quyết định, hơn nữa, còn phạm tội là nô lệ (Ga 8, 34 – 36). Ở Chúa giúp không làm suy giảm mất tự do, nhưng nâng đỡ con người tự do hành động hơn nữa.

3. Theo gương mẫu Chúa Giêsu: Ngoài việc Chúa dạy, Người còn sống làm mẫu mực cho ta.

Vì vậy, luân lý Ki-tô giáo làm cho con người Ki-tô giáo sống cu thể, vừa cho thấy cách sống, vừa cho thấy kết quả cách sống đó thể nào!

Tất cả gồm tóm trong: Mến Chúa-yêu người (x. Mt 22, 37 -40; Ga 13, 34).

BÀI 8 : BỔ TÚC DỰ BỊ HÔN NHÂN ĐỂ ĐƯỢC MỘT GIA ĐÌNH HẠNH PHÚC THEO Ý CHÚA.

1. Chúng ta cần xác định:

- “Theo ý Chúa” nói ở đây, không có ý nói đến chương trình siêu nhiên của Chúa về hôn

- Sự phạm Giáo lý Hôn nhân -

nhân trên Thiên đàng Mt 23, 30; cũng không có ý nói đến sự thánh thiện mà đời hôn nhân phải đạt tới (bài 6). Ở đây, chỉ nói tới: Ý Chúa về đời sống tự nhiên của đôi hôn phối phải sống theo do Chúa tạo dựng, để có được gia đình hạnh phúc ở đời này.

- Đặc điểm của “tổ chức dự bị hôn nhân” là mưu tìm hạnh phúc tự nhiên ở đời này cho đôi bạn (còn “hạnh phúc đời sau” là ở tổ chức “Giáo lý hôn nhân”). Cái lầm là ở chỗ này:

- Quan niệm dạy và học hôn nhân như thế là đủ rồi*

- Hoặc nghĩ rằng: “Lớp dự bị hôn nhân” là không cần thiết (vì cho rằng: “Khỉ được tự nhiên yêu khỉ cái, cần gì phải dạy yêu” - “Con tinh tinh tự nhiên biết đánh đu”).*

Như thế, nguyên “Giáo lý hôn nhân” thì chưa đủ; cũng như coi con người như con khỉ cũng là sai!

2. Nguyên “Giáo lý hôn nhân” thôi, thì chưa đủ.

Chúng ta có khuynh hướng đặt nặng mục đích siêu nhiên, phương tiện siêu nhiên, kiến thức siêu nhiên... để rồi bị thu hút theo “những điều hoàn hảo”, mà quên điều “thực tế làm người”. Như Pascal đã nhận định: “Con người không phải là thần thánh, cũng không phải là

- Sư phạm Giáo lý Hôn nhân -

thú vật. Sự bất hạnh định rằng: “Ai muốn làm thần thánh thì phải làm con vật”.

- Con người có thể xác như loài vật, đặc biệt trong đời sống hôn nhân với mục đích truyền sinh.

- “Thể xác” có quy luật của thể xác do ý định của Đấng tạo hoá. Phải khám phá ra quy luật thể xác để tuân theo. Con người không thể vượt lên đời sống siêu nhiên, nếu không tôn trọng tự nhiên.

3. Cõi “con người như con vật” trong vấn đề hôn nhân, là sai:

Cho dù chỉ dừng về phương diện nhục dục, vì con người có bản năng, nhưng lại có lý trí và ý chí, cho nên, dục tính con người trở thành phức tạp hơn nhiều. Đàng khác, hạnh phúc tự nhiên của hôn nhân đâu chỉ ở tại tính dục!!! Cho nên, cần phải có “dự bị hôn nhân”, bao gồm cả Giáo lý lẫn khoa tâm lý, xã hội, y tế đã khám phá ra. Ta cần phải “học” để “hành”.

BÀI 9 : BỔ TÚC DỰ BỊ HÔN NHÂN HOÀ HỢP THÂN XÁC : TÂM - SINH LÝ.

1. Hoà hợp thể xác là nền tảng hạnh phúc gia đình:

- Sự phạm Giáo lý Hôn nhân -

Nói tới hạnh phúc gia đình mà không nói tới sự phối hợp thể xác, thì quả là nói chuyện trên mây trên gió. Chính nghi lễ Hôn nhân đã nhắc lại lời Kinh Thánh: “Cả hai nên một thân xác” (St 2, 24), và coi đó là “khế ước” hôn nhân.

a. Vì ảnh hưởng của tôn giáo, của lý trí con người dễ bị thu hút bởi những cái hoàn hảo hơn, mà quên đi những thực tế của thực chất con người. Do đó, Pascal mới phát biểu như trên (bài 8). Từ chỗ đó, những khát vọng này đi vào tiềm ẩn, thành ra khó điều khiển và phát hiện, và hôn nhân trở thành “một thứ xảo dối bỉ ổi nhất, và là một hình thức cao độ” (Léon Tolstoi).

b. Vậy, hoà hợp thể xác (= hoà hợp tính dục) là gì?

Nói chung, hoà hợp vừa là “đồng thời” và “ăn khớp” với nhau (đồng thời: là có gọi thì có đáp; “ăn khớp” là có “tung” thì có “hứng”; có “gọi” thì có “đáp”; có “cung” thì có “cầu”.

“Đồng thời” hoặc “đúng lúc” (“Gọi chín, mười điều mới thừa” là vô duyên).

Theo các nhà tâm sinh lý, sinh hoạt tình dục con người không dễ chỉ có hoà hợp như vậy.

2. Điều kiện tâm sinh lý đối với sự hoà hợp thể xác:

a. Về phương diện thuần sinh lý, thể xác con người phức tạp hơn thể xác loài vật (td: Làn da

- Sư phạm Giáo lý Hôn nhân -

nhạy cảm hơn). Nhưng cái làm cho phức tạp nhất chính là thể xác con người được hoà hợp với một tinh thần (= linh hồn), kết quả là đời sống tâm lý pha trộn với sinh lý. Đó là đời sống “tâm - sinh lý”.

b. Trong con người, không có đời sống thuần lý hay thuần sinh lý nữa. Nhưng luôn có ảnh hưởng mật thiết lên nhau. Sự hoà hợp thể xác sẽ trở thành phức tạp rất nhiều và cũng vì thế rất khó thành đạt. Cho nên, hạnh phúc hôn nhân trở nên hiếm và phải trả giá đắt.

c. Áp dụng trong hôn nhân trong tình trạng vừa nói trên với hình ảnh “cung-cầu”, “tung-hứng”:

Người ta sẽ chứng kiến cảnh: cả hai bên đều “cầu”, đều “hứng” mà không có “cung” hoặc “tung”, vì cả hai bên đều ích kỷ, chỉ nghĩ tới khoái lạc bản thân.

Hoặc ngược lại, cảnh “gọi hoài” mà “không đáp”, hay “đáp” quá trễ, mất hứng. Đó là trường hợp mà các nhà sinh lý gọi là bệnh “lạnh lòng”.

Nếu thật sự là bệnh, thì có thể chữa bằng y khoa. Nhưng không là bệnh, mà chỉ do sự chênh lệch thường tình giữa tâm sinh lý Nam và tâm sinh lý Nữ.

- Sự phạm Giáo lý Hôn nhân -

Đây là vấn đề mà lớp Giáo lý dự bị hôn nhân có trách nhiệm đưa ra ánh sáng cũng như đưa ra cách giải đáp.

d. Giải đáp:

- Giải đáp theo phương diện sinh lý: Là nữ thì nặng về cảm xúc chung, đặc sắc là “thính giác”, mà nam thì nặng về “tính dục”. Vì thế, cần áp dụng “luật thính giác”, là điều có liên quan tới tâm lý (giải đáp tâm lý lại phức tạp: “Lòng người sâu thẳm ai đo...”).

- Giải đáp của Thánh giá Chúa Ki-tô (= sự khôn ngoan tuyệt hảo của Thiên Chúa) vừa đơn giản, vừa thành đạt hơn, “Ai yêu mạng sống mình thì sẽ mất, ai từ bỏ sẽ được” (Ga 12, 25). Như thế, hoà hợp chỉ có được, khi mỗi bên quên mình, mà chỉ nghĩ đến hạnh phúc người bạn trăm năm.

BÀI 10 : HOÀ HỢP TÂM HỒN.
(“ Cùng nhìn một hướng”)

“Hoà hợp tâm hồn” nói đây không phải là điều kiện tâm sinh lý, để có hoà hợp thể xác như nói ở bài 9. “Hoà hợp tâm hồn” sâu xa hơn nhiều: Khi vào tuổi già, thì hầu như không còn gì hoà hợp thể xác nữa. Lúc đó chỉ còn có “hai tâm hồn”, mà nếu chỉ sống “bên cạnh” nhau thôi, thì quả thực là “cuộc đời đau khổ” (mà già thì gia tăng khó tính, bẳn gắt!).

Nhưng “già hoà hợp” thế nào được, nếu không bắt đầu từ trẻ! Trong hôn nhân, phải nói rằng: Phải bắt đầu từ khi chưa lấy nhau - khi còn tìm hiểu nhau. Lúc này, sự hoà hợp tâm hồn phải là mục tiêu số một, và là điều kiện “ắt có”, để quy định tiến tới hôn nhân hay không! Vì chỉ có hoà hợp tâm hồn mới bảo đảm được tình yêu bền vững!

Vậy làm sao có được?

1. Phải “cùng nhìn một hướng”: Đôi bạn cần phải biết hoà hợp tâm hồn là gì?

- Sự phạm Giáo lý Hôn nhân -

Trả lời theo hiện tượng học, đó là: “ Cùng nhìn ” và “ một hướng ”. Chúa Giêsu nói: “ Kho tàng người ở đâu, thì lòng người ở đó ” (Mt 6, 21) và dĩ nhiên luôn “ nhìn ” về đó.

Nếu cùng chung một kho tàng, thì sẽ cùng nhìn về một hướng, nghĩa là: Những gì quý giá nhất, giá trị nhất, đáng mơ ước nhất, thêm khát nhất... đều giống nhau. Như vậy, rõ ràng là hoà hợp tâm hồn rồi!

Điều quan trọng, “ Kho tàng chung ” là gì?

“ Oái ăm, dân gian hay nói: Người yêu là “ kho tàng ” của tôi; hoá ra: Hai người chỉ nhìn nhau thôi! Thế là hỏng!

2. “ Không phải là nhìn nhau ”.

Tình yêu chân chính phủ nhận việc “ nhìn nhau ”, tức là phủ nhận coi nhau là “ kho tàng ”, “ cùng đích ”... (mà như thế, coi nhau là cùng đích, sẽ đưa đến tình trạng ích kỷ: Con cái là rầy rà, khách lạ - Trai gái yêu nhau - bồ bịch dễ tan vỡ...). Đó là quy luật tự nhiên, không theo sẽ đưa đến trục trặc, đau khổ. Đa số hôn nhân không thành đạt, không hạnh phúc, cũng chỉ vì... họ chỉ nhìn nhau mà đã kết hôn với nhau rồi! (sắc hương rồi sẽ tàn..., của cải có lúc với đi, ... Con người đều có giới hạn).

3. “ Kho tàng ” đích thức của hôn nhân.

Cái là “ đích tới ” mà cả hai cùng nhìn, cùng đợi, cùng vươn tới. Khi đạt tới, cả hai cùng sung

- Sự phạm Giáo lý Hôn nhân -

mãn, hạnh phúc hơn, như thể cả hai cùng nhìn vào một hướng. Hai người trở thành bạn đời sống chết bên nhau.

Vậy, “đích tới” hay “kho tàng” của hôn nhân đó là “Hãy sinh sản, hãy thống trị trái đất” (St 1, 28).

Điều quan trọng là con người có thấy được cái “quý giá” của mục đích đó, trong lúc dòng đời lại vẫn thích “coi phương tiện là cứu cánh”.

ĐỜI SỐNG HÔN NHÂN & GIA ĐÌNH

I. Bí tích Hôn Nhân:

1. Hôn nhân tự nó là một chế độ tự nhiên, một giao ước hệ trọng và thiêng liêng hợp với luật tạo hoá. Nhưng Chúa Ki-tô còn muốn nâng cao giá trị hôn nhân, thánh hoá đời sống gia đình, nên lập “Bí tích Hôn Phối”.

2. Định nghĩa: “Bí tích Hôn Phối là một Bí tích do Đức Ki-tô thiết lập, cho đời sống vợ chồng thêm ơn thánh hoá, đồng thời ban ơn trợ giúp cần thiết để họ thực hiện cách chính đáng và dễ dàng các nghĩa vụ của đời sống vợ

- Sự phạm Giáo lý Hôn nhân -

chồng và gia đình”. Vậy, Bí tích Hôn Nhân có những yếu tố căn bản là:

a. Bí tích là dấu chỉ bề ngoài do Chúa Giêsu lập để chỉ ơn trên và chuyển thông ơn thánh hoá đó cho người lãnh nhận.

- Dấu chỉ bề ngoài: Đó là lời cam kết – nắm tay nhau – xỏ nhẫn.*

- Thiên Chúa đã thiết lập hôn nhân ngay khi tạo dựng con người, nhưng Chúa Ki-tô “nâng giá trị” nó lên hàng Bí tích, khi Ngài dự tiệc cưới Cana, và khi trả lời cho người biệt phái hỏi có được ly dị vợ mình chăng (x. Mt 19, 3 - 4).*

- Những dấu hiệu trong Bí tích đều có ý nghĩa và qua dấu hiệu này, Chúa ban ơn thánh hoá cho người lãnh nhận.*

b. Bí tích Hôn Phối ban những ơn nào?

- Thêm ơn thánh hoá. Thật ra, ta đón nhận ơn thánh hoá qua Bí tích Rửa Tội, và các Bí tích khác, nhưng ở đây, Chúa ban thêm ơn, để vợ chồng càng trở nên con cái Thiên Chúa đầy đủ hơn và nên những công dân xứng đáng hơn trong nước Chúa.*

- Ban những ơn trợ giúp đặc biệt cho vợ chồng:*

+ Ơn lành cho họ yêu thương nhau hơn, giúp hai người chu toàn bổn phận với nhau về phương diện thể xác, tinh thần và thiêng liêng.

- Sư phạm Giáo lý Hôn nhân -

+ *Ơn giúp họ sống đời sống thanh sạch trong bậc vợ chồng, tránh những đòi hỏi lôi cuốn xác thịt ngoài đời sống hôn nhân.*

+ *Ơn giúp vợ chồng dạy dỗ con cái nên người và nên con cái Thiên Chúa.*

• *Nhờ các ơn này, vợ chồng sẽ chu toàn bốn phận một cách dễ dàng và hoàn hảo hơn.*

c. Bí tích Hôn Phối đòi những điều kiện nào?

• *Chuẩn bị: Học hỏi Giáo lý đầy đủ rõ ràng, để lãnh nhận và cử hành Bí tích một cách ý thức và hiệu quả. Giữ mình sạch tội, xưng tội, cầu nguyện và tinh tâm dọn mình; giấy chứng nhận Bí tích Rửa Tội, Thêm Sức và độc thân; tờ chứng chỉ rao hôn phối và khẩu cung.*

• *Không vướng mắc ngăn trở hôn phối, hoặc đã được tha hay chuẩn các ngăn trở.*

• *Cả hai ưng thuận và quyết định một cách hiểu biết, tự do, hồ tương, rõ ràng và tuyệt đối:*

+ *Hiểu biết: Ứng thuận cách sáng suốt, ý thức, người điên không thể lãnh Bí tích hôn phối.*

+ *Tự do: Không bị áp lực một cách bất chính và bên ngoài, như vũ lực, đe dọa.*

+ *Hồ tương: Cả hai bên đều đồng ý.*

+ *Rõ ràng: Bằng lời nói, cử chỉ hay chi tiết.*

+ *Tuyệt đối: Không được đặt mọi điều kiện nào đi ngược lại với mục đích hay đặc tính căn bản của hôn nhân.*

- Sự phạm Giáo lý Hôn nhân -

- Cả hai bên phải nói lên sự ưng thuận và quyết định kết hôn trước Linh mục chứng hôn và ít nhất là hai chứng nhân theo nghi thức hôn phối. (Trong trường hợp ngoại lệ, chỉ cần hai bên nhân chứng và không buộc có Thánh lễ).

II. Luật Giáo Hội và luật dân sự về hôn nhân:

A. Luật Giáo Hội:

1. Nhận định:

a. Hôn nhân là một Bí tích cao trọng, Thiên Chúa thiết lập để thánh hoá đời sống gia đình. Nhưng Thiên Chúa đặt các Bí tích dưới quyền sử dụng của Giáo Hội, nên Giáo Hội có quyền đặt ra các lễ luật để bảo vệ hôn nhân và duy trì sự thánh thiện của bậc sống đôi bạn.

b. Thiên Chúa đã quy định những lễ luật mà chúng ta gọi là Thiên luật. Nhưng cũng uỷ quyền cho một số người trong xã hội thiêng liêng là Giáo Hội lập ra lễ luật gọi là Giáo luật. Trong xã hội trần thế, chính quyền quy định lễ luật cho dân gọi là pháp luật (dân luật).

c. Giáo Hội thiết lập các lễ luật về hôn nhân và có mục đích ngăn ngừa đổ vỡ và bảo vệ hạnh phúc đời sống hôn nhân và gia đình. Không nên cho Giáo luật là điều làm khó dễ.

2. Các luật của Giáo Hội về hôn nhân.

- Sự phạm Giáo lý Hôn nhân -

❖ *Loại 1: Các luật có tính cách tiêu cực, có ý gạt khỏi hôn nhân những vướng mắc làm cho Bí tích hôn phối bất thành sự, bất hợp pháp – Giáo luật gọi là các ngăn trở hôn phối.*

❖ *Các luật có tính cách tích cực, có tính cách làm cho việc hôn phối trở nên công khai và hoàn chỉnh, Giáo Hội gọi là mô thức hôn nhân.*

a. Định nghĩa ngăn trở hôn phối:

Ngăn trở hôn phối là các hoàn cảnh bên ngoài làm cho hai người nam-nữ không thể kết hôn thành sự và hợp pháp trước Giáo Hội, trước lương tâm và trước Thiên Chúa.

b. Phân loại: GL 1073 - 1094

❖ *Loại ngăn trở cấm hôn: Là ngăn trở làm cho việc cấm hôn nhân tuy thành sự thật nhưng bất hợp pháp.*

❖ *Loại ngăn trở diệt hôn: Là thứ ngăn trở làm cho hôn nhân bất thành sự, vô giá trị.*

c. Muốn lãnh nhận Bí tích Hôn Phối, nam - nữ không vướng mắc ngăn trở nào, hoặc nếu mắc thì đã được chuẩn.

d. Một số ngăn trở hôn phối thường gặp:

• *Niên hạn: Nam: 16; nữ: 14. Nhưng theo xã hội (dân sự) ấn định: Nam: 20; nữ: 18.*

• *Huyết tộc: Cấm kết hôn giữa bà con huyết thống, trực hệ hoàn toàn cấm, bàng hệ cấm hết Cấp 4, chuẩn cho cấp 4, vô hiệu cho đến cấp 4.*

- Sư phạm Giáo lý Hôn nhân -

- *Tội ác: Cấm kết hôn giữa hai người đã ngoại tình với nhau và hứa kết hợp với nhau khi bạn mình chết, hoặc tự ý giết bạn mình (hoặc cả hai mưu hại).*

- *Dị giáo: Cấm kết hôn giữa hai người khác đạo, và ngoại trú khi được phép chuẩn với một số điều kiện như hứa Rửa tội và giáo dục cho con cái, không cản trở việc giữ đạo.*

- *Vô hiệu: Một người đã có Bí tích Hôn Phối thành sự không thể tái hôn khi bạn cũ còn sống.*

- *Thánh chức: Cấm kết hôn với người có chức thánh (Giám mục, Linh mục, Phó tế) hay đại thế (lời khẩn trọng) hay đã khẩn trọn.*

- *Bất lực: Nếu một trong hai người bất lực, không thể hoàn hợp hôn phối của họ sau khi cử hành.*

- *Bị bắt cóc: Một người nữ bị bắt cóc, cử hành hôn phối với người bắt cóc mình trong thời gian bị giam giữ, dù người nữ có tuyên bố mình tự.*

- *Hôn thuộc: Không thể kết hôn với người có họ hàng trực hệ với người phối ngẫu đã chết của mình.*

- *Công hạnh: Không thể kết hôn với người có họ hàng trực hệ với người mình đã từng sống chung công khai như vợ hay chồng một thời gian nào đó.*

- Sự phạm Giáo lý Hôn nhân -

- *Dưỡng hệ: Không thể kết hôn với con nuôi hay cha mẹ nuôi, anh em nuôi.*

3. Ly dị, ly thân:

a. Ly dị: Là việc hai vợ chồng hợp pháp, chính thức xin luật pháp can thiệp để bỏ nhau, lấy vợ - chồng khác.

b. Công giáo không chấp thuận việc ly dị, vì luật Chúa: “Điều gì Thiên Chúa đã kết hợp, loài người không được phân ly”.

Giáo Hội nói: “Không quyền lực nào ở trần gian, ngoài sự chết, có thể huỷ bỏ hôn nhân thành pháp và hoà hợp”.

c. Nếu có lý do nào khiến hôn nhân không thành sự vì mắc ngăn trở kết hôn mà không được chuẩn, toà án Giáo Hội khi điều tra sẽ tuyên bố hôn nhân đó vô giá trị.

4. Ly thân:

a. Ly thân là việc hai vợ chồng tạm thời hay vĩnh viễn xa nhau nhưng không lấy người khác (khác ly dị).

b. Trong một số trường hợp, Giáo Hội cho phép vợ chồng ly thân khi hội đủ lý do chính đáng và có xin phép.

+ Khi cả hai đồng ý xa nhau một thời gian hay vĩnh viễn.

+ Khi một trong hai ngoại tình, không hy vọng sửa chữa.

- Sự phạm Giáo lý Hôn nhân -

+ Khi một trong hai muốn xin ly dị, do một yếu tố quan trọng nào đó như: Mất thế giá, tội ác, bất tuân.

A. Luật dân sự:

Hiến Pháp Nước Cộng Hoà Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam.

1. Nhà nước bảo hộ hôn nhân.

2. Hôn nhân tự nguyện, tiến bộ, một vợ một chồng, bình đẳng.

3. Phụ nữ và nam giới có quyền ngang nhau về mọi mặt: Chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội và gia đình.

4. Cha mẹ nuôi - dạy con thành công dân có ích trong xã hội.

5. Con cái phải kính trọng, săn sóc cha mẹ.

6. Nhà nước và xã hội loại bỏ sự đối xử phân biệt con cái.

Luật Hôn Nhân và Gia Đình - 2000

1. Nguyên tắc chung:

a. Thực hiện: Hôn nhân tự do tiến bộ một vợ một chồng, nam nữ bình đẳng, bảo vệ quyền lợi phụ nữ, con cái, tạo hạnh phúc dân chủ hoà thuận, đoàn kết yêu thương.

b. Loại trừ: Cưỡng ép, trọng nam khinh nữ, coi rẻ quyền con cái.

- Sự phạm Giáo lý Hôn nhân -

c. Cấm: Kết hôn khi chưa đủ tuổi (20-18t). Không đòi của cải trong việc cưới hỏi, không được đánh đập ngược đãi, không được lấy vợ lẽ.

2. Kết hôn:

- Con trai 20, con gái 18 tuổi được tự do kết hôn.*
- Tang chế không cản việc kết hôn.*
- Đàn bà goá có quyền tái giá và có quyền về con cái, tài sản.*
- Khi kết hôn, cần phải được công nhận và ghi vào sổ kết hôn của Ủy Ban Nhân Dân cơ sở.*
- Những người hiện đang có vợ có chồng không được kết hôn với người khác.*
- Những người cùng giòng máu trực hệ năm đời, cha mẹ nuôi và con nuôi, con nuôi với nhau, không bao giờ được phép kết hôn.*
- Những người bất lực hoàn toàn về sinh lý, có bệnh phong cùi, hoa liễu, loạn óc... mà chưa khỏi, không được kết hôn với nhau.*

3. Nghĩa vụ, quyền lợi của người vợ-người chồng.

- Trong gia đình, vợ chồng bình đẳng, yêu thương giúp đỡ, nuôi dạy con cái, lao động sản xuất, xây dựng gia đình hạnh phúc.*
- Tự do chọn nghề, hoạt động chính trị, đồng quyền sở hữu.*

- Sư phạm Giáo lý Hôn nhân -

4. Cha mẹ và con cái:

- *Cha mẹ yêu thương, giáo dục con cái, không được hành hạ, đối xử tàn tệ con cái, không được vứt bỏ, giết hại trẻ con.*

- *Con cái kính yêu, dưỡng nuôi săn sóc cha mẹ. Con đã thành niên còn ở chung được tự do chọn nghề và có quyền có của riêng.*

- *Con nuôi có quyền và nghĩa vụ như con đẻ.*

5. Ly hôn: Khi có đủ lý do, toà án sẽ cho ly hôn sau khi đã cố gắng hoà giải. Khi ly hôn cấm đòi trả của. Nếu một bên túng thiếu, thì bên có của phải cấp dưỡng, có nghĩa vụ và quyền lợi đối với con cái.

Bảo vệ sự sống - sức khoẻ gia đình và phụ nữ.

A. Tính dục và luân lý tính dục:

Tính dục cũng như khả năng sinh sản nơi con người trời vượt cách kỳ diệu hơn những gì thấy được ở cấp sinh vật thấp hơn. Vì thế, những hành vi đặc thù của đời vợ chồng được thực hiện đúng theo phẩm giá đích thực của con người đều phải được kính trọng. Cho nên, cần hoà hợp vợ chồng với việc truyền sinh, trong tinh thần trách nhiệm, đôi bạn phải ý thức rằng giá trị của luân lý hành động không chỉ lệ thuộc vào ý muốn thành thật và việc cân nhắc các lý do, nhưng phải được thẩm định theo những tiêu

- Sư phạm Giáo lý Hôn nhân -

chuẩn khách quan hay suy diễn từ bản tính của nhân vị và của hành động nơi nhân vị.

1. Nguyên tắc 1: Để chu toàn nghĩa vụ bảo tồn nòi giống, trong khi ta biết là tính dục và khả năng sinh sản trội vượt hơn các sinh vật hạ đẳng thì ta phải theo nguyên tắc sau đây: Trong hôn nhân theo luật đời (tự nhiên) và hôn nhân Công giáo, các hành vi trao hiến vợ chồng, bản chất là hướng thiện và đáng quý trọng. Tự hiến cho nhau trong sinh hoạt vợ chồng là hành vi cần thiết để biểu lộ tình yêu, làm phát sinh sự sống; và là sự nâng đỡ cho lòng tín trung. Cho nên, các hành vi ấy là đáng quý.

2. Nguyên tắc 2: Luân lý Công giáo không khinh miệt thân xác, cũng không thần thánh hoá đời sống sinh lý. Con người là Hồn và Xác.

3. Nguyên tắc 3: Đời sống hôn nhân Công giáo phải là đời sống trong sạch và tiết độ.

B. Sinh sản có trách nhiệm

(Lương tâm Công giáo và vấn đề điều hoà sinh sản).

Bổn phận sinh sản và giáo dục phải được coi là sứ mệnh riêng biệt của vợ chồng, phải biết cộng tác với Thiên Chúa tạo hoá và như trở thành những kẻ diễn đạt tình yêu của Người.

I. Giáo huấn của Giáo Hội.

1. Những nguyên tắc chung:

- Sự phạm Giáo lý Hôn nhân -

a. Sinh sản và giáo dục con cái là hoa quả tốt đẹp của hôn nhân. Để thực hiện công việc tốt đẹp này, cha mẹ phải biết tôn trọng, tuân theo ý Chúa, đồng thời cũng phải lưu tâm đến lợi ích của mình, của gia đình, của Giáo Hội và xã hội.

b. Sinh sản tuy là bổn phận, nhưng đôi vợ chồng phải sinh sản có trách nhiệm: Nghĩa là cùng nhau quyết định hợp với lề luật của Chúa về số con sẽ sinh ra, và về hoàn cảnh cụ thể của gia đình mình, của xã hội.

2. Áp dụng nguyên tắc:

a. Vợ chồng không được ngăn chặn sự sinh sản trong việc giao hợp vợ chồng; dù việc ngăn chặn ấy như mục đích nhắm tới, hay chỉ như phương tiện; dù hành động đó có xảy ra trước việc vợ chồng hay là khi việc vợ chồng đang tiến tới hiệu quả tự nhiên của nó.

b. Không thể vịn vào những lý do như: Sức khỏe, kinh tế, hay thời cuộc để dùng các phương tiện nhân tạo. Vì lẽ việc dùng các phương tiện nhân tạo để cố ý ngăn chặn việc truyền sinh sự sống, vẫn trái với phẩm giá con người.

c. Như vậy, hãy dùng những phương pháp tự nhiên, dựa trên nguyên tắc này: Chỉ giao hợp vào những thời kỳ người phụ nữ không thể thụ thai được.

- Sư phạm Giáo lý Hôn nhân -

d. Vợ chồng sẽ nâng cao giá trị của họ bằng cách chấp nhận trọn vẹn theo bản tính con người của họ, chứ không trốn tránh trách nhiệm bằng lối phó thác vấn đề cho phương tiện kỹ thuật.

e. Vợ chồng phải biết cố gắng dựa vào Đức tin, Đức trông cậy. Họ hãy kiên nhẫn cầu xin ơn Chúa trợ giúp, nhất là hãy đi lãnh ơn nơi nguồn mạch vô tận là Bí tích Thánh Thể.

II. Những phương pháp ngừa thụ thai nhân tạo:

Là những phương pháp dùng các cách thế:

1. Trực tiếp làm cho không thể thụ thai tạm thời hay vĩnh viễn, nơi người nam cũng như nơi người nữ, như:

- *Thuốc ngừa thai: Thuốc uống, thuốc chích Tây và Đông y.*

- *Bao cao su, màng chắn, hoá chất diệt tinh trùng.*

- *Cắt hay cột thất vòi trứng nơi người nữ, và cắt hay cột ống dẫn tinh nơi người nam, gọi chung là triệt sản, triệt sinh.*

2. Gián tiếp hoặc trực tiếp huỷ diệt trứng đã thụ tinh hay giết chết bào thai bằng:

- *Đặt vòng xoắn.*
- *Điều hoà kinh nguyệt.*
- *Phá thai, nạo thai, trực thai.*

- Sự phạm Giáo lý Hôn nhân -

3. *Luân lý tính: Số 14 của thông điệp “Sự Sống Con Người” của Đức Phaolô VI, ghi rõ:*

- *Cấm những hành động trực tiếp ngăn cản thụ thai tạm thời hay vĩnh viễn để triệt sản hay triệt sinh.*

- *Cấm sử dụng những dụng cụ ngừa thai.*

- *Cấm dùng các loại thuốc ngừa thai.*

- *Cấm làm “điều hoà kinh nguyệt”, là hình thức phá thai non.*

4. *Tại sao Hội Thánh Công giáo không cho phép và cấm đoán:*

- *Vì các phương pháp ngừa thai trực tiếp đối nghịch với bản chất và mục đích của hành vi thân mật vợ chồng, là sinh con cái.*

- *Vì các phương pháp ngừa thai nhân tạo vi phạm đến sự sống mới, vừa được hình thành; như vòng xoắn huỷ diệt trứng đã thụ tinh, điều hoà kinh nguyệt trực xuất trứng đã thụ tinh hoặc phá thai là trực xuất thai nhi.*

III. *Những phương pháp ngừa thai tự nhiên:*

1. *Phương pháp tự nhiên:*

Những phương pháp ngừa thai tự nhiên là những phương pháp đưa trên căn bản duy nhất này là: “Sự hiểu biết rõ ràng chu kỳ kinh nguyệt của người phụ nữ, với những ngày có thể thụ tinh và những ngày không thể thụ tinh”. Phương pháp này còn gọi là “Tiết dục định kỳ”, nghĩa là vợ chồng phải kiêng cử giao hợp trong giai đoạn

- Sự phạm Giáo lý Hôn nhân -

mà tinh trùng của người chồng dễ xâm nhập vào trứng tại ống dẫn trứng trong thời kỳ người vợ rụng trứng từ buồng trứng.

a. Đây là nguyên tắc đơn giản: Sự thụ tinh của người đàn bà không liên tục, và một chu kỳ kinh nguyệt chỉ kéo dài trong một thời gian ngắn. Vì mỗi chu kỳ kinh nguyệt, buồng trứng chỉ rụng trứng có một lần, và trứng rụng chỉ sống và có khả năng thụ tinh trong khoảng thời gian từ 24 - 36 giờ (gần 2 ngày trọn).

Đàng khác, tinh trùng của người đàn ông, sau khi giao hợp, cũng chỉ sống và có khả năng xâm nhập vào buồng trứng trong thời gian từ 2 - 3 ngày.

Vì vậy, nếu vợ chồng không muốn có thai, thì cần cử việc giao hợp:

- *4 ngày trước khi trứng rụng, để không một tinh trùng nào của người chồng còn sống, lúc người vợ rụng trứng.*

- *Tiếp tục cử thêm 2 ngày sau khi trứng rụng, để trứng vừa rụng không có khả năng thụ thai.*

b. Thực tế, có một số khó khăn cho việc ngừa thai tự nhiên, thành khó áp dụng cho nhiều đôi vợ chồng muốn áp dụng ngừa thai, đó là:

- *Không biết chính xác ngày nào là ngày trứng rụng (để cử giao hợp trước đó 4 ngày và sau đó 2 ngày).*

- *Sư phạm Giáo lý Hôn nhân* -

- Người đàn bà, trứng rụng lại thay đổi theo mỗi chu kỳ kinh nguyệt (mỗi tháng lại thay đổi ít nhiều), nên không thể tính chính xác trước được.

Kết luận: Đối với phương pháp ngừa thai tự nhiên, những ngày chắc chắn giao hợp không thụ thai là những ngày có dấu hiệu trứng đã rụng được 2 ngày rồi cho đến khi có kinh lần sau.

2. *Những phương pháp giúp đoán biết những ngày trứng rụng.*

Phương pháp tính ngày trứng rụng của 2 bác sỹ: OGINO-KNAUSS.

a. Nhận định: Hai nhà khảo cứu Nhật Bản và Áo cũng khám phá ra được nguyên tắc sinh lý này: Người đàn bà chỉ có thể thụ thai trong một thời gian rất ngắn trong một chu kỳ kinh nguyệt.

b. Cách tính ngày trứng rụng: Mỗi chu kỳ kinh nguyệt (từ ngày bắt đầu có lần này tới ngày có kinh lần sau), có thể chia làm bốn thời kỳ:

- Sư phạm Giáo lý Hôn nhân -

- Thời kỳ thấy bắt đầu có kinh: Thời kỳ này kéo dài từ 2 đến 6 ngày, trong mọi người đàn bà.

- Thời kỳ thường không thụ thai (không tuyệt đối): Trước khi trứng rụng (thời kỳ này ngắn hay dài, tùy theo chu kỳ kinh nguyệt mà thay đổi).

- Thời kỳ dễ thụ thai: Là thời kỳ kiêng cử giao hợp, nếu không muốn có thai, vì trứng sẽ rụng vào ngày nào đó trong mấy ngày này (kéo dài thêm tùy kinh nguyệt tùy từng người).

- Thời kỳ không thể thụ thai: Sau khi trứng rụng là thời kỳ an toàn tuyệt đối với chắc chắn rằng: Trứng đã chết rồi và không rụng lần thứ hai nữa trong một chu kỳ. Thời kỳ này kéo dài 10 ngày (người chu kỳ đều), nếu không đều, sẽ rút ngắn lại vài ngày.

c. Bảng trình bày 4 thời kỳ:

Những ngày thấy kinh	Thời kỳ an toàn tương đối	Thời kỳ dễ thụ thai	Thời kỳ chắc chắn không thụ thai
Không giao hợp, vì lý do vệ sinh	Có thể giao hợp, nhưng đôi khi vẫn có thai.	Kiên cố hoàn toàn, vì chắc chắn có thai.	An toàn tuyệt đối, hợp, không sợ có

Tháng 5

Kinh bắt đầu vào ngày 05/5 rồi đếm 10 ngày bắt đầu từ ngày thứ 10, gạch một gạch dài dưới 8 ngày tiếp

			1	2	3	4	
(5)	6	7	8	9	10	11	
12	13	14	<u>15</u>	<u>16</u>	<u>17</u>	<u>18</u>	
<u>19</u>	<u>20</u>	<u>21</u>	<u>22</u>	23	24	25	

- Sự phạm Giáo lý Hôn nhân -

theo. Trong 8 ngày này: Dễ
thụ thai, không giao hợp.

Tháng 6

Kinh kỳ bắt đầu vào ngày
01/6, rồi đếm 10 ngày bắt đầu từ
ngày thứ 10, gạch một gạch dài
dưới 8 ngày tiếp theo như trên.
Trong 8 ngày này dễ thụ thai,
không giao hợp.

				(1)	2	3	4
5	6	7	8	9	<u>10</u>	<u>11</u>	
<u>12</u>	<u>13</u>	<u>14</u>	<u>15</u>	<u>16</u>	<u>17</u>	<u>18</u>	
19	20	21	22	23	24	25	
26	27	28	29	30	31		

Lượng giá phương pháp Ogino-Knauss.

Kết quả do phương pháp này không được
100%, do đó cần phải phối hợp với hai phương
pháp sau đây:

❖ Phương pháp đo nhiệt độ:

1. Nhận định: Người ta đã phát hiện được
hiện tượng thay đổi nhiệt độ (thân nhiệt) nơi
người phụ nữ dựa theo chu kỳ kinh nguyệt: Có
sự thay đổi thân nhiệt trước và sau khi rụng
trứng.

2. Cách lấy nhiệt độ: Để nhiệt kế cạnh
giường ngủ.

a. Phải lấy nhiệt độ vào giờ nhất định, lúc
sáng sớm khi vừa thức dậy và trước khi bước
xuống khỏi giường.

b. Nhiệt kế phải được cặp tại miệng, hay âm
đạo hoặc hậu môn lâu chừng năm phút.

c. Sau đó ghi nhiệt độ đó trong bảng đo kẻ ô
sẵn từng ngày. Trên bảng này cũng ghi thêm
ngày bắt đầu và ngày dứt kinh, ngày giao hợp,

- Sư phạm Giáo lý Hôn nhân -

và cả đến cảm cúm, đau răng... (vì nhiệt độ chịu ảnh hưởng).

d. Việc ghi nhiệt độ mọi ngày, kéo dài liên tục trong 2 hoặc 3 chu kỳ kinh nguyệt. Sau đó khi vẽ đường biến thiên nhiệt độ của mỗi chu kỳ kinh nguyệt điều hoà, chỉ cần ghi nhiệt độ vào những ngày trước thời gian trứng rụng 4 hoặc 5 ngày, để kiểm soát sự biến động nhiệt độ từ thấp lên cao. Sau khi nhiệt độ ở mức độ cao liên tiếp được 2 ngày thì đó là thời kỳ giao hợp an toàn tuyệt đối.

3. Áp dụng:

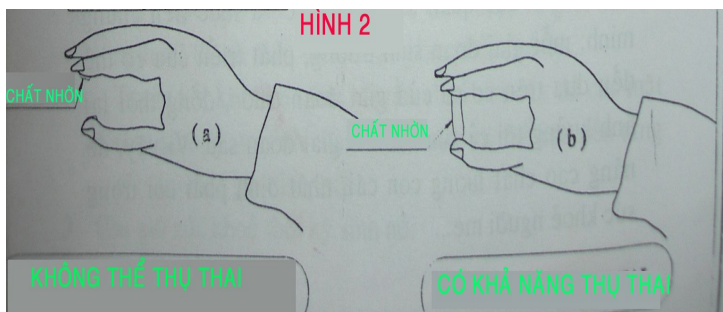
a. Giai đoạn thứ nhất: từ ngày có kinh trở đi cho đến trước khi trứng rụng khoảng 2 ngày, nhiệt độ thường ở mức dưới 37° ($36^{\circ}7$; $36^{\circ}8$). Tương ứng với thời kỳ giao hợp tương đối an toàn (sau khi sạch kinh).

b. Thời kỳ biến động: Nhiệt độ từ từ hạ trong 2 ngày, rồi đột nhiên vọt lên cao vào ngày thứ 3, và tiếp tục giữ mức cao này (chính là ngày rụng trứng!). Thời kỳ giao hợp để thụ thai (không an toàn tuyệt đối).

c. Giai đoạn thứ hai: Thân nhiệt luôn ở mức cao trên 37° , tương ứng với thời kỳ giao hợp an toàn tuyệt đối.

- *Sư phạm Giáo lý Hôn nhân* -

- *Phương pháp John-Billings*



Biểu Đồ Thang Nhiệt

- *Sư phạm Giáo lý Hôn nhân* -

Lương giá phương pháp đo nhiệt độ:

⇒ Những phụ nữ có đường biểu diễn bất thường, hoặc chu kỳ kinh nguyệt quá dài, hoặc buồng trứng bị bệnh, thì không áp dụng phương pháp này.

⇒ Trường hợp người phụ nữ luôn có nhiệt độ trên hay dưới 37° , và có thể áp dụng.

⇒ Phương pháp này bổ túc cho phương pháp Ogino-Knauss.

❖ Phương pháp John-Billings: Phương pháp này căn cứ trên hiện tượng chất nhờn xuất hiện ít nhiều nơi của mình để biết thời kỳ trứng rụng.

1. Cách xác định thời kỳ trứng rụng:

a. Sau mấy ngày hành kinh, âm đạo người phụ nữ khô ráo ít ngày tùy theo chu kỳ kinh nguyệt dài-ngắn của người phụ nữ (Đây là thời kỳ tương ứng với thời kỳ trước khi trứng rụng theo phương pháp O.K: Giai đoạn 2; và với phương pháp nhiệt độ có đường biểu diễn thấp dưới 37°).

b. Ngày nào người phụ nữ thấy âm hộ bắt đầu có chất nhờn tiết ra, là dấu hiệu báo cho biết sắp đến ngày rụng trứng (Đây là thời kỳ tương ứng với thời kỳ dễ thụ thai theo phương pháp O.K: giai đoạn 3; và với phương pháp nhiệt độ biến động dần dần từ thấp lên cao). Ngày nào cảm thấy âm đạo nhiều chất nhờn nhất, chính là lúc rụng

- Sư phạm Giáo lý Hôn nhân -

trứng, và nhiệt độ tăng vọt lên 37°. Lúc này người đàn bà tự nhiên cảm thấy bị kích thích nhiều hơn bình thường. Chất nhờn lúc này có đặc tính trong suốt và dính dẻo giống sợi chỉ. (1.b).

c. Sau những ngày nhiều chất nhờn là thời kỳ âm hộ dần dần khô trở lại, kéo dài khoảng 10 ngày (nghĩa là cho tới khi bắt đầu có kinh trở lại). Trong thời kỳ này, nếu thấy vẫn còn có chất nhờn mà chỉ lờ lờ đục trắng (1.a) không trong suốt, không dính dẻo, thì cũng được coi là tình trạng khô ráo. Tương hợp với thời kỳ giao hợp an toàn tuyệt đối theo O.K. và luôn cao ở một mức 37°.

2. Áp dụng trong việc ngừa thai.

a. Nguyên tắc chung: Những lúc người đàn bà cảm thấy âm hộ khô, là lúc vợ chồng giao hợp mà không sợ thụ thai. Thường vào 2 thời kỳ: Thời kỳ từ khi dứt kinh đến khi chất nhờn bắt đầu xuất hiện và thời kỳ sau khi chất nhờn xuất hiện nhiều nhất được 2 ngày cho đến khi có kinh lần sau.

b. Thời kỳ dễ thụ thai (kiêng cử giao hợp): Là thời kỳ từ lúc có chất nhờn, rồi chất nhờn tiết ra nhiều nhất và sau đó khoảng 2 ngày thì chất nhờn khô đi. Đó là thời kỳ trứng rụng và nhiệt độ biến động từ giai đoạn thấp lên cao (theo phương pháp đo nhiệt độ).

Ghi chú:

- Sự phạm Giáo lý Hôn nhân -

⇒ Sau kinh kỳ, người phụ nữ có cảm giác khô ráo khu vực chung quanh âm hộ. Số ngày có cảm giác khô này có thể thay đổi theo từng chu kỳ dài - ngắn.

⇒ Nếu không có ngày khô ráo tiếp ngay sau khi kinh kỳ, thì tức là chất nhờn đã bắt đầu xuất hiện rồi, sẽ có thể thụ thai nếu giao hợp vào những ngày có chất nhờn trước khi trứng rụng.

⇒ Lúc dễ thụ thai nhất là lúc cảm giác thấy chất nhờn trở nên nhiều, trong trẻo và nhờn nhớt. Ngày cuối cùng của cảm giác được ghi nhận là tốt đỉnh.

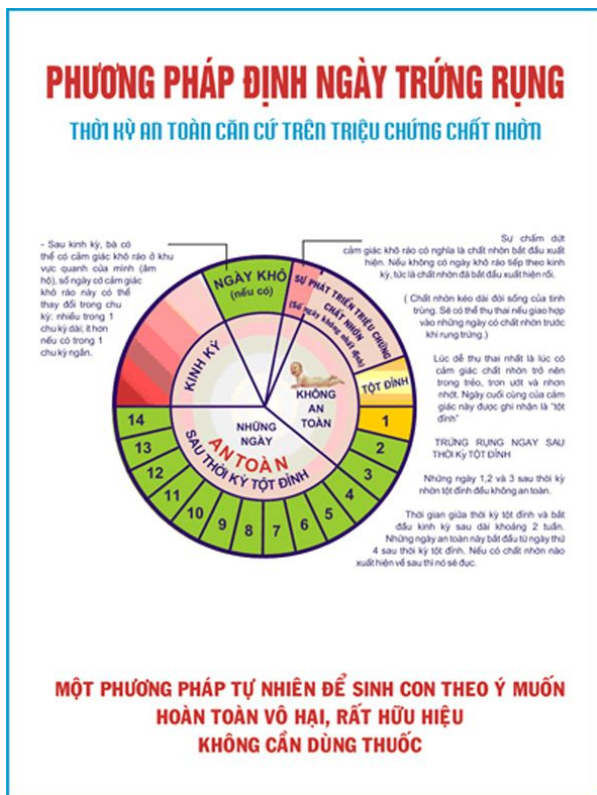
⇒ Trứng rụng ngay sau thời kỳ tốt đỉnh: Ngày 1. 2. 3 sau thời kỳ nhờn tốt đỉnh đều không an toàn.

⇒ Thời gian giữa thời kỳ tốt đỉnh và ngày bắt đầu có kinh lần sau dài khoảng 2 tuần. Nhưng ngày an toàn sau này bắt đầu từ ngày thứ 4 sau thời kỳ tốt đỉnh. Nếu có chất nhờn nào xuất hiện về sau thì nó sẽ đục.

- *Sư phạm Giáo lý Hôn nhân* -

Sơ đồ

- *Sư phạm Giáo lý Hôn nhân* -



Sức khỏe gia đình và phụ nữ.

Sách tham khảo:

⇒ “Cẩm nang bảo vệ và tăng cường sức khỏe phụ nữ”

Chủ biên: Hoa Hạ Tăng

Nhà xuất bản Phụ nữ Hà Nội. 2000.

(Dịch từ tiếng Trung Quốc, nhà xuất bản Viễn Đông Thượng Hải, 01.1998).

⇒ “Chăm sóc sức khỏe” của David Werner.

- Sư phạm Giáo lý Hôn nhân -

Nhà xuất bản Y học Việt Nam, 1983.

Đặc biệt chương 19,20.

1. Sức khoẻ: Năm 1948, Tổ Chức Y Tế Thế Giới đã đưa ra một định nghĩa rất hoàn chỉnh về sức khoẻ như sau: “Sức khoẻ là cả một trạng thái hoàn hảo về thể chất, tinh thần và cả cuộc sống xã hội, chứ không chỉ là không bị bệnh tật hay đau yếu”.

Do đó, có sức khoẻ, chỉ là cần một cơ thể cường tráng để có thể chế ngự được các loại bệnh tật, mà còn phải có đầy đủ trạng thái tinh thần kiện toàn, năng lực điều tiết và tâm lý cân bằng, có thể ứng phó với các loại kích thích tâm lý không tốt; đồng thời có thể là một thành viên hoà hợp với toàn thể xã hội.

a. Sức khoẻ của người mẹ, ảnh hưởng tới thế hệ sau: Phụ nữ mang trọng trách mang thai, sinh con, làm sinh sôi nhân loại. Các quan sát khoa học và thực tiễn chứng minh: Mỗi giai đoạn sinh trưởng, phát triển của cơ thể đều dựa trên cơ sở của giai đoạn trước, đồng thời lại ảnh hưởng tới cả sức khoẻ ở giai đoạn sau. Vì vậy, để nâng cao chất lượng con cái, nhất định phải coi trọng sức khoẻ người mẹ...

b. Phụ nữ là người trông nom sức khoẻ cả gia đình: Bà vừa là người chủ gia đình (cùng với chồng), cùng đồng thời là người vợ, người mẹ. Ngoài việc sinh đẻ còn phải lo sắp xếp chuyện

- Sư phạm Giáo lý Hôn nhân -

ăn uống của toàn gia đình, chăm sóc cuộc sống cho mọi người về mọi mặt: Vệ sinh, an toàn, dinh dưỡng, văn hoá, sức khoẻ, kiến thức y tế... Nếu bà có sinh lực dồi dào, cơ thể khoẻ mạnh... sẽ làm tốt những việc nêu trên.

c. Sức khoẻ phụ nữ là tiêu chí văn minh của nhân loại: Phụ nữ ước tính chiếm ½ dân số thế giới, là nguồn tài nguyên cơ bản của nhân loại. Nếu sức khoẻ phụ nữ không được bảo đảm, là thiệt hại lớn cho gia đình và xã hội: Khiến cho người nhà - người già, trẻ nhỏ mất đi chỗ dựa tin cậy, thậm chí gia đình đổ nát.

d. Sức khoẻ sinh sản của một phụ nữ: Năm 1991, giới học thuật lại đưa ra một khái niệm mới về sức khoẻ sinh sản: Nó là một bộ phận trọng yếu của sức khoẻ con người. Nó không chỉ là nhân tố then chốt của thời kỳ thanh xuân, và kỳ sinh nở, mà còn liên quan tới các giai đoạn sau ở cả nam và nữ, hơn nữa lại ảnh hưởng rõ rệt tới thể chất của thế hệ sau.

2. Nội dung của bảo vệ sức khoẻ hôn nhân:

a. Kiểm tra sức khoẻ trước khi cưới, để xem cơ thể nam nữ thanh niên phát triển có bình thường không.

b. Giáo dục đạo đức hôn nhân và kiến thức về giới tính để nam nữ thanh niên hiểu được giao phối sinh lý...

- Sư phạm Giáo lý Hôn nhân -

c. Trước khi kết hôn, nam nữ cần chuẩn bị đầy đủ các mặt tâm - sinh lý, tri thức, đạo đức... mới có thể tạo nền tảng tốt cho một gia đình mới.

3. Gìn giữ sức khỏe thời kỳ sinh nở:

a. Nắm được kiến thức khoa học về thụ thai, tránh thai, chọn lựa biện pháp tránh thai, tránh thai ngoài ý muốn.

b. Hiểu biết giữ gìn sức khỏe thời kỳ trước mang thai, an toàn khi sinh nở, nhanh chóng phục hồi sức khỏe.

c. Chú ý vệ sinh môi trường: Tránh những nhân tố có hại trong lao động nghề nghiệp và gia đình... ảnh hưởng sức khỏe và khả năng sinh sản.

d. Tích cực phòng ngừa các bệnh phụ khoa: Sinh lý sinh sản như kinh nguyệt, huyết trắng... phải chữa trị sớm.

4. Nam và nữ bị vô sinh (không có khả năng có con).

a. Nguyên nhân: Vô sinh do cơ cấu của cơ thể, có khi đẻ ra đã là vô sinh rồi! Ở một số phụ nữ, thiếu máu nặng, ăn uống thiếu thốn, thiếu chất i - ốt, cơ thể sẽ ít có khả năng có thai. Hoặc các điều đó làm cái thai chết trước khi người mẹ biết là mình có thai. Hoặc nhiễm trùng kinh niên...

- Sự phạm Giáo lý Hôn nhân -

b. Nam giới đôi khi không làm cho phụ nữ sinh đẻ vì lượng tinh trùng ít hơn mức bình thường. Vậy, người chồng phải chờ, không giao hợp những ngày trước khi để người vợ bước vào “những ngày có khả năng thụ thai tốt nhất”.

Nếu là nữ vô sinh, bạn có khả năng sống một cuộc đời hạnh phúc và có ý nghĩa.

⇒ Chăm sóc hay nuôi một trẻ mồ côi làm con nuôi.

⇒ Là một cán bộ y tế hoặc giúp ích tập thể bằng nhiều cách trong xã hội và Giáo Hội. Tình yêu mà đáng lẽ dành cho con cái, có thể dành cho những người khác và mọi người đều có lợi.

⇒ Có thể tổ chức những người cùng cảnh ngộ thành một tổ chức thiện nguyện...

IV. Đời sống gia đình Ki-tô hữu.

1. Gia đình là Giáo Hội nhỏ và là trường giáo dục Đức tin.

Vợ chồng Ki-tô giáo là những người cộng tác với ơn thánh và là chứng nhân đức tin đối với nhau, cũng như đối với con cái và những phần tử khác trong gia đình. Họ là người đầu tiên phải rao truyền và giáo dục đức tin cho con cái, bằng lời nói, gương sáng. Gia đình họ phải trở nên như một đền thờ của Giáo Hội, qua gia đình yêu thương, cùng nhau cầu nguyện, lòng hiếu khách, sống công lý, thực hành giúp đỡ những người đang túng thiếu quanh họ.

- *Sư phạm Giáo lý Hôn nhân* -

2. *Đời sống gia đình: Kinh nghiệm hiệp thông chia sẻ: Đời sống thường nhật của gia đình đem đến một kinh nghiệm về hiệp thông và chia sẻ. Các phần tử trong gia đình, được hướng dẫn bởi luật “cho không” bằng cách kính trọng và vun trồng nơi mọi người ý thức về phẩm giá con người, sẵn sàng phục vụ vô vị lợi và giúp đỡ nhau.*

3. *Kinh nghiệm gia đình: Cha mẹ Công giáo có bổn phận đặc biệt: Giáo dục con cái biết cầu nguyện, phải giúp chúng dần dần khám phá ra mầu nhiệm Thiên Chúa và đối thoại cá nhân với Người.*

⇒ *Sáng-tối, gia đình cầu nguyện chung trước bàn thờ, để mọi người thánh hoá các sinh hoạt hàng ngày và lắng nghe lời Chúa (việc đọc Thánh Kinh).*

⇒ *Dâng lời cảm tạ về các hồng ân lãnh nhận trong ngày.*

⇒ *Dâng niềm vui, nỗi buồn, mồ hôi, nước mắt, thành quả lao động suốt ngày... xin Chúa chúc lành...*

⇒ *Việc gặp gỡ thường xuyên trong bầu khí yêu thương, đầm ấm và thánh thiện, tăng thêm tình thân ái giữa vợ – chồng; cha mẹ - con cái; tránh được những điều do hiểu lầm gây ra.*

- Sư phạm Giáo lý Hôn nhân -

⇒ Cho con cái những kinh nghiệm về nhu cầu của Giáo Hội và thế giới, giúp chúng mở rộng tâm hồn, vượt khỏi những đòi hỏi ích kỷ...

4. Gia đình và xã hội: Gia đình trở thành tế bào đầu tiên và sống động của xã hội, làm nền tảng cho xã hội và không ngừng tiếp sức cho xã hội bằng việc phục vụ sự sống. Chính giữa lòng gia đình, đã sinh sản ra các công dân và cũng chính trong gia đình, các công dân ấy đầu tiên thực tập các nhân đức xã hội, là linh hồn cho sinh hoạt và phát triển xã hội.

5. Gia đình là một đơn vị hoạt động truyền giáo:

⇒ Gia đình phải là “tông đồ” cho chính những người trong nhà với nhau. Cha mẹ giáo dục đức tin cho con cái, con cái “Phúc âm hoá” lại cha mẹ.

⇒ Gia đình Ki-tô hữu làm tông đồ cho những người chung quanh như: Nhận nuôi trẻ mồ côi bị bỏ rơi, ân cần đón tiếp khách lạ cơ nhỡ, khuyến bảo giúp đỡ các thanh thiếu niên, nâng đỡ các gia đình khó khăn vật chất, tinh thần, lo cho người già...

6. Tạo bầu khí tinh thần trong gia đình: Thoải mái, cởi mở...

a. Tương quan giữa vợ và chồng: Tình yêu và kính trọng nhau là nền tảng không thể thiếu trong đời sống của người chồng và người vợ:

- Sự phạm Giáo lý Hôn nhân -

“Vậy, mỗi người trong anh em hãy yêu vợ như chính mình, còn vợ thì hãy kính sợ chồng mình” (Ep 5, 33). “Tình yêu” và kính trọng nhau của vợ chồng sẽ giúp họ, dễ trung tín, hoà thuận, bình đẳng và đoàn kết với nhau. Tạo nên bầu khí ấm áp hiệp thông trong gia đình. Con cái sẽ an tâm, không lo lắng...

b. Tương quan giữa cha mẹ và con cái: Nhờ yêu thương và đoàn kết cha mẹ sẽ tận lực săn sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con cái. Con cái sẽ dần dần tín nhiệm cha mẹ hơn, cởi mở với cha mẹ và giữa anh chị em với nhau.

c. Tương quan giữa anh chị em trong nhà: Anh em trong nhà, tuy mỗi người một nét một tính, có thể trở nên xung khắc, khó chấp nhận nhau. Nhưng với tinh thần Đức Tin, sẽ trở nên cơ hội tốt để cộng tác và bổ xung cho nhau: Kính trên nhường dưới.

d. Đối với các Ki-tô hữu: Bầu khí tinh thần của gia đình còn phải được nâng đỡ nhờ đời sống Đức Tin, Đức Cậy và Đức Mến.